

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG
TỈNH THÁI NGUYÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2024/ HS – ST

Ngày: 29 – 02 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thùy Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Bích Nguyệt

Ông Trần Quốc Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Bằng Thị Kim Dung- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đại Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 13/2024/TLST-HS ngày 05 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đặng Thị T1**, sinh ngày 29/6/1980, tại: huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm Tiến Thành, xã Bình T1, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hoá (học vấn): lớp 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới T1: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Đặng Văn B (Đã chết) và bà Đào Thị T; Chồng: Bùi Tấn P (Đã chết), con: Có 02 con, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2013.

- Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Hiện đang tại ngoại tại địa phương (Có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1985 – Trợ giúp viên pháp lý T1ộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Nguyên; (Có mặt)

- Bị hại: Chị Bùi Thị T1, sinh năm 1980. Nơi ĐKHKT: Xóm 2, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; Nơi ở hiện nay: TDP L, phường B, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên; (Vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty TNHH Thương mại tổng hợp HTV; Địa chỉ: Số 543, Thanh Xuân Nam, Thanh Xuân, Hà Nội- Đại diện theo uỷ quyền: Anh Nguyễn L1, sinh năm 1999; Trú tại: Khu 8, xã H, huyện H, tỉnh P; (Vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Người làm chứng:* Chị Triệu Thị U, sinh năm 1989. Nơi ĐKKHKT: Xóm K, xã Y, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; Nơi ở hiện nay: TDP D, phường B, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên; (Vắng mặt)

Anh Lê Duy Q, sinh năm 1981; Trú tại: Xóm 2, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Bùi Thị T1 là công nhân của Công ty TNHH Srtech T1 ở tổ dân phố Tân Dương, phường Bách Quang, thành phố Sông Công. Sáng ngày 02/12/2023 chị T1 đến công ty để làm việc và để chiếc túi xách màu đen bên trong có 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone Xsmax, màu vàng, ốp bảo vệ bằng nhựa màu trắng, số tiền 1.964.000đ và một số giấy tờ tùy thân vào tủ để đồ số 667 nhưng quên không khóa tủ. Đến khoảng 17h cùng ngày, khi tan ca, chị T1 đi về luôn, quên không lấy túi xách, điện thoại và tiền. Đến chiều ngày 03/12/2023 chị T1 nói với chồng là anh Lê Duy Q1 về việc quên túi xách, điện thoại, tiền ở tủ đồ công ty và sẽ đi làm để lấy thì anh Q1 bảo sẽ nhờ người lấy về hộ. Đến 16h20' ngày 04/12/2023, anh Q1 sử dụng ứng dụng Messenger, dùng tài khoản Facebook tên “Quy Lê” gọi điện đến tài khoản tài khoản Facebook "T1 Đang T1" của Đặng Thị T1 (sinh năm 1980, trú tại xóm Tiên Thành, xã Bình T1, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên – làm cùng công ty với chị T1) bảo T1 lấy hộ túi xách của chị T1, T1 đồng ý.

Đến 19h40' ngày 04/12/2023, T1 đến Công ty TNHH Srtech thì gặp chị Triệu Thị U1 (sinh năm 1989, nơi thường trú tại xóm Kẽm, xã Yên Đỗ, huyện Phú Lương, Thái Nguyên), T1 kể cho chị U1 biết việc chị T1 để quên túi xách và bảo T1 lấy hộ, rồi cả hai đến khu vực tủ để đồ Xưởng 2, T1 mở ngăn tủ để đồ số 667 của chị T1 lấy túi xách màu đen và mở ra kiểm tra thì nhìn thấy có 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone Xsmax, màu vàng, có ốp bảo vệ màu trắng và số tiền khoảng 1.900.000đ và một số giấy tờ tùy thân khác. Lúc này, do không có tiền chi tiêu nên T1 đã nảy sinh ý định chiếm đoạt số tài sản là tiền và điện thoại. Sau đó, T1 cất giấu túi xách chứa chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone Xsmax, màu vàng, có ốp nhựa màu trắng và số tiền của chị T1 vào ngăn tủ 692 của T1 rồi đi làm việc. Đến 22h02' ngày 04/12/2023, khi được nghỉ giải lao, T1 một mình ra tủ đồ số 692 để kiểm tra tài

sản trong túi mà T1 đã cất trước đó thì thấy có tiền, điện thoại, T1 đã lấy chiếc điện thoại của chị T1 cất vào túi áo khoác đang mặc, còn tiền vẫn để trong túi của chị T1, sau đó T1 nhắn tin cho anh Q1, nói dối anh Q1 về việc khi T1 lấy túi xách thì không thấy điện thoại và tiền của chị T1 sau đó T1 lại cất điện thoại và tiền vào tủ đồ số 692 rồi làm việc bình thường. Đến khoảng 06h30' ngày 5/12/2023, khi hết giờ làm việc T1 đi đến ngăn tủ số 692 lấy chiếc túi xách bên trong có điện thoại, tiền và giấy tờ tùy thân của chị T1 rồi về phòng trọ của T1 đang T1ê của bà Nguyễn Thị Hà, sinh năm 1971, trú quán TDP Làng Mới, phường Bách Quang, thành phố Sông Công. Trước khi đưa cho bà Hà, T1 đã lấy điện thoại và tiền ra khỏi túi, rồi đưa cho bà Hà chiếc túi bên trong có các giấy tờ, sau đó T1 đến phòng giao dịch Ngân hàng ViettinBank lấy 1.500.000 đồng nộp vào tài khoản số 106870104572 của T1 và mang chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone Xsmax, màu vàng, có ốp nhựa màu trắng đến cửa hàng CellphoneS địa chỉ tại tổ 8, phường Phan Đình Phùng bán được 2.500.000 đồng. Số tiền có được T1 đã chi tiêu hết hơn 400.000đ, còn lại 3.600.000 đồng.

Ngày 08/12/2023 Đặng Thị T1 giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F9, màu xanh đen, bên trong gắn hai thẻ sim số 0559.044.157 và số 0968.156.946.

Ngày 10/12/2023, CQĐT công an thành phố Sông Công khám xét khẩn cấp chỗ ở của Đặng Thị T1 tại TDP Làng Mới, phường Bách Quang, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên. Kết quả khám xét T1 giữ tại túi xách màu đen treo trên tường phòng trọ 01 thẻ sim điện thoại viettel có số 8984048851001668342 có số T1ê bao 0344.988.010.

Ngày 09/12/2023, Đặng Thị T1 giao nộp số tiền 3.600.000đ, ngày 15/12/2023 giao nộp số tiền 403.000đ để khắc phục hậu quả. Số tiền 400.000 đ còn lại T1 đã bồi thường cho chị Bùi Thị T1.

Ngày 25/12/2023, anh Nguyễn L1, đại diện cửa hàng Cell phoneS giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs max, màu vàng, dung lượng 64GB, không có thẻ sim.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 48/KL-HĐĐGTS ngày 12/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Sông Công kết luận: 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone Xs max, màu vàng, dung lượng 64GB, bản quốc tế không giới hạn thẻ sim, có ốp lưng bằng nhựa màu trắng, đã qua sử dụng có giá trị là 3.767.000đ.

Vật chứng và tài sản liên quan đến vụ án: Đối với 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone Xs max, màu vàng loại 64GB, bản quốc tế số seri G6TYT389KPHF, số lượng 01 chiếc; Số tiền 1.503.000đ; 01 thẻ sim mạng viettel, có số 8984 0488 5100

1668 342, có số T1ê bao 0344.998.010 ngày 25/01/2024 cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Sông Công đã trả lại cho bị hại. Số tiền 2.500.000đ, ngày 28/01/2024 trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Nguyễn L1, sinh năm: 1999 trú tại: khu 8, xã Hiền Lương, huyện Hạ Hòa, tỉnh Phú Thọ - là đại diện cửa hàng CellphoneS. Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F9 T1 giữ của Đặng Thị T1 hiện đang được bảo quản theo quy trình quản lý vật chứng;

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là chị Bùi Thị T1 và người có quyền lợi liên quan anh Nguyễn L1 đã nhận lại đủ tài sản, không yêu cầu bị cáo T1 bồi thường gì thêm.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Đặng Thị T1 đã khai nhận toàn bộ về diễn biến nội dung sự việc như đã nêu ở phần trên, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, vật chứng T1 giữ, kết luận định giá tài sản và các tài liệu chứng cứ khác T1 thập được trong quá trình điều tra vụ án.

Tại bản cáo trạng số 17/ CT - VKS ngày 05/02/2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Đặng Thị T1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo T1 về tội danh và điều luật áp dụng, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Đặng Thị T1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”; áp dụng khoản 1 điều 173, điểm b i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo T1 từ 06 đến 09 tháng tù; miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo. Về phần dân sự, bị hại đã nhận lại đủ tài sản bị mất, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận được tiền bồi thường, không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét. Về vật chứng: Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F9. Miễn án phí hình sự cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo T1 trình bày: Nhất trí với đại diện Viện kiểm sát về tội danh và điều luật áp dụng. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tuy nhiên về hình phạt còn có phần nghiêm khắc. Bị cáo T1 có hoàn cảnh gia đình khó khăn, đang nuôi con nhỏ, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo T1 không có ý kiến tranh luận, bị cáo không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Sông Công, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại giai đoạn điều tra và phiên tòa, bị cáo Đặng Thị T1 đã khai nhận đã trộm cắp của chị Bùi Thị T1 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone Xsmax và số tiền 1.964.000đ, đúng như nội dung kết luận điều tra và cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; vật chứng T1 giữ,.. và các tài liệu chứng cứ khác Cơ quan điều tra đã T1 thập được có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định: Khoảng 19 giờ 40 phút ngày 04/12/2023, tại công ty Srtech T1ộc tổ dân phố Tân Dương, phường Bách Quang, thành phố Sông Công, Đặng Thị T1 đã có hành vi trộm cắp 01 (một) chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone Xsmax và số tiền 1.964.000đ của chị Bùi Thị T1, có tổng giá trị tài sản là: **5.731.000đ**. (*Năm triệu bảy trăm ba mươi một nghìn đồng*)

Hành vi nêu trên của bị cáo T1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Nội dung điều luật quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Trong vụ án này, cửa hàng Cellphone đại diện là anh Nguyễn L1 đã mua chiếc điện thoại Iphone Xsmax, nhưng cửa hàng không biết chiếc điện thoại trên do T1 phạm tội mà có nên không có cơ sở truy cứu trách nhiệm hình sự.

[3] Đánh giá về T1 chất hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Đặng Thị T1:

3.1. Về T1 chất hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo T1 là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương.

3.2. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo T1 được sinh ra và lớn lên tại địa phương, được bố mẹ cho ăn học đến lớp 9/12, có đủ khả năng nhận thức, làm chủ được hành vi của

mình, nhưng vì hám lợi nên vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo không có tiền án, tiền sự.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và T1ộc trường hợp ít nghiêm trọng, tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả, được bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt chính: Căn cứ vào T1 chất của vụ án, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Mặc dù hành vi phạm tội của bị cáo T1ộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhưng bị cáo là người đã trưởng thành, đang trong độ tuổi lao động, ý thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì hám lợi nên vẫn cố tình thực hiện. Mặt khác, hiện nay tình hình trộm cắp xảy ra tại Công ty SRtech có chiều hướng gia tăng, gây ảnh hưởng xấu đến môi trường đầu tư, tạo tâm lý bất an cho công nhân đang lao động tại đây. Xét thấy cần xử lý nghiêm khắc hành vi phạm tội của bị cáo, cần thiết xét xử bị cáo bằng hình phạt tù, buộc bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian mới đủ điều kiện để giáo dục đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa chung, do đó không chấp nhận đề nghị của người bào chữa cho bị cáo được hưởng án treo.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp. Khi lượng hình, Hội đồng xét xử sẽ xem xét, cân nhắc đến nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, để xét xử bị cáo mức án phạt tù phù hợp, tương xứng với T1 chất, mức độ, hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

[5] Về hình phạt bổ sung: Trong vụ án, xét thấy bị cáo T1 T1ộc gia đình hộ cận nghèo, không có tài sản và T1 nhập. Hội đồng xét xử xét miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về áp dụng biện pháp ngăn chặn: Áp dụng Điều 123 và Điều 124 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tạm hoãn xuất cảnh và cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo T1 để đảm bảo cho việc thi hành án.

[7] Về vật chứng: Đối với 01 điện thoại nhãn hiệu oppo F9 T1 giữ của bị cáo T1. Xét thấy không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nhận lại đủ tài sản và bồi thường xong, nay không yêu cầu bị cáo T1 bồi thường thêm khoản nào khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Bị cáo Đặng Thị T1 bị kết án, nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, tuy nhiên bị cáo T1ộc gia đình hộ cận nghèo nên được miễn án phí.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

***Căn cứ:** Các Điều 106, 136, 299, 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/ 2016/ NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T1, miễn, giảm, T1, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Đặng Thị T1 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Về điều luật áp dụng và hình phạt: Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm b,i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Đặng Thị T1 **06** (Sáu) tháng tù, thời hạn tù T1 từ ngày bị cáo đi chấp hành bản án.

***** Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo Đặng Thị T1.

2. Về việc áp dụng biện pháp ngăn chặn: Áp dụng Điều 123 và Điều 124 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục tạm hoãn xuất cảnh và cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Đặng Thị T1 để đảm bảo cho việc thi hành án.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F9, có số Imei 1: 866376047279499; có số Imei 2: 866376047279481; lắp thẻ sim 1 số T1ê bao:84 559.044.157; lắp thẻ sim 2 số T1ê bao: 0968.1569.461 được niêm phong trong bì ký hiệu A1.

*(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày **22/02/2024** giữa Công an thành phố Sông Công và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sông Công)*

4. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Đặng Thị T1.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo T1, người bào chữa cho bị cáo T1, báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP. Sông Công;
- Công an TP. Sông Công;
- Bị cáo, Bị hại;Người LQ;
- UBND xã Bình Tân, huyện Đ, Thái Nguyên;

(kèm TB Kq XX);

- THA h.sự, d.sự;
- Lưu: H.sơ, H.sự, VT.

Phạm Thùy Dung

